

Superior Court of Washington, County of _____
Tòa Thượng Thẩm Washington, Quận _____

In the Guardianship of:
Trong Quyền Giám Hộ:

Respondent/s (minors/children)
(Các) Bị Đơn (trẻ vị thành niên/trẻ em)

No. _____
Số _____

Standby Minor Guardianship Petition
Đơn Xin Quyền Giám Hộ Dự Phòng Đối
Với Trẻ Vị Thành Niên
(PTAPMG)
(PTAPMG)

[] Clerk's action required: 10
Việc lục sự cần làm: 10

[] No Fee 22
Không Phí 22

Standby Minor Guardianship Petition
Đơn Xin Quyền Giám Hộ Dự Phòng Đối Với Trẻ Vị Thành Niên

Use this form to appoint a guardian by agreement, or if in the next 2 years no parent is likely to willing or able to provide for the support, care, education, health, safety, and welfare of a child under age 18 (exercise the parenting functions in RCW 26.09.004). A parent or standby guardian may file the petition. Use this form together with:

Sử dụng mẫu đơn này để chỉ định người giám hộ theo thỏa thuận hoặc nếu trong 2 năm tới không có cha/mẹ nào có thể sẵn lòng hoặc có khả năng cấp dưỡng, chăm sóc, giáo dục, sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho trẻ dưới 18 tuổi (thực hiện chức năng nuôi dưỡng con theo RCW 26.09.004). Cha/mẹ hoặc người giám hộ dự phòng có thể nộp đơn xin. Sử dụng mẫu đơn này cùng với:

- Notice of Hearing for Standby Minor Guardianship Petition (form GDN M 701)
Thông Báo Phiên Xét Xử về Đơn Xin Quyền Giám Hộ Dự Phòng Đối Với Trẻ Vị Thành Niên (mẫu đơn GDN M 701)
- Reasons for Minor Guardianship (form GDN M 103)
Lý Do Về Quyền Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên (mẫu đơn GDN M 103)
- Criminal History Cover Sheet (form GDN M 407)
Phiếu Lý Lịch Tư Pháp (mẫu đơn GDN M 407)
- Motion and Order to DCYF to Release CPS Information (forms GDN M 404 and GDN M 405).

Kiến Nghị và Lệnh gửi đến DCYF để Công Bố Thông Tin CPS (mẫu đơn GDN M 404 và GDN M 405).

1. Children
Các trẻ

I ask the court to appoint a standby guardian for the following children (under age 18) who have the same legal parents:

Tôi yêu cầu tòa án chỉ định một người giám hộ dự phòng cho các trẻ sau đây (dưới 18 tuổi) có cùng cha mẹ hợp pháp:

Child's Name <i>Tên Trẻ</i>	Age <i>Tuổi</i>	Child's Name <i>Tên Trẻ</i>	Age <i>Tuổi</i>
1.		2.	
3.		4.	

Important! Do not list more than one child unless they all have the same parents. If they have different parents, fill out a separate Petition for each child.

Quan Trọng! Không liệt kê nhiều hơn một trẻ trừ khi tất cả các trẻ đều có cùng cha mẹ. Nếu các trẻ có cha mẹ khác nhau, hãy điền đơn riêng cho mỗi trẻ.

County – I am filing in this county because (check all that apply):

Quận – Tôi sẽ nộp đơn trong quận này bởi vì (đánh dấu tất cả mục thích hợp):

☐ the children live here or are present in this county now.
các trẻ sống ở đây hoặc có mặt trong quận này hiện nay.

☐ there is another case involving custody or parental rights already in progress here.
có một vụ án khác liên quan đến quyền nuôi con hoặc quyền làm cha mẹ đang được tiến hành ở đây.

Lawyer for children – The children (check one):

Luật sư cho các trẻ – Các trẻ (đánh dấu một mục):

☐ do **not** have a lawyer.
không có luật sư.

☐ are represented by (lawyer's name): _____
được đại diện bởi (tên luật sư):

Lawyer's address: _____

Địa chỉ luật sư: _____

2. Petitioner/s
(Các) Nguyên Đơn

My name is: _____

Tôi tên là:

☐ I am the parent of the children.
Tôi là cha/mẹ của các trẻ.

☐ I am the nominated Standby Guardian,
Tôi là Người Giám Hộ Dự Phòng được chỉ định,

My home address (principal residence): _____

Địa chỉ nhà của tôi (nơi cư trú chính):

My street address (if different):

Đường phố của tôi (nếu khác):

[] **Co-Petitioner** (If there is another Petitioner in this case)

Đồng Nguyên Đơn (Nếu có một Nguyên Đơn khác trong vụ án này)

My name is:

Tôi tên là:

My home address (principal residence):

Địa chỉ nhà của tôi (nơi cư trú chính):

My street address (if different):

Đường phố của tôi (nếu khác):

3. Who is the standby guardian?

Ai là người giám hộ dự phòng?

[] A parent nominated a standby guardian on (date)

The standby guardian's name is:

I've attached a copy of the document a parent signed to designate a standby guardian.

Cha/mẹ đã chỉ định một người giám hộ dự phòng vào (ngày)

Tên người giám hộ dự phòng là:

Tôi đã kèm theo bản sao chứng từ mà cha/mẹ đã ký để chỉ định một người giám hộ dự phòng.

Standby guardian's address:

Địa chỉ người giám hộ dự phòng:

4. Lay Guardian Training

Khóa Huấn Luyện Người Giám Hộ Không Chuyên

Complete lay guardian training at <https://www.courts.wa.gov/guardianportal/index.cfm?fa=guardianportal.title11minor>
Hoàn tất khóa huấn luyện người giám hộ không chuyên tại
<https://www.courts.wa.gov/guardianportal/index.cfm?fa=guardianportal.title11minor>

The proposed guardian:

Người giám hộ được đề xuất:

[] has completed the lay guardian training.

đã hoàn tất khóa huấn luyện người giám hộ không chuyên.

[] will complete the lay guardian training before the final order is entered.

sẽ hoàn tất khóa huấn luyện người giám hộ không chuyên trước khi đưa ra lệnh cuối cùng.

5. Why is a standby guardian needed?

Vì sao cần có người giám hộ dự phòng?

Important! You must complete the Reasons for Minor Guardianship, form GDN M 103.

Quan Trọng! Quý vị phải hoàn tất Lý Do Về Quyền Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên, mẫu đơn GDN M 103.

Within 2 years of appointment, no parent will likely be willing or able to provide for the support, care, education, health, safety, and welfare of a child under age 18 (exercise the parenting functions in RCW 26.09.004). It is in the children's best interest to appoint a standby guardian.

Trong vòng 2 năm chỉ định, không có cha/mẹ nào sẽ có thể sẵn lòng hoặc có khả năng cấp dưỡng, chăm sóc, giáo dục, sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho trẻ dưới 18 tuổi (thực hiện chức năng nuôi dưỡng con theo RCW 26.09.004). Việc chỉ định người giám hộ dự phòng sẽ mang lại lợi ích tốt nhất cho các trẻ.

6. When can the minor guardianship begin?

Quyền giám hộ trẻ vị thành niên có thể bắt đầu khi nào?

*Explain what event or circumstances will cause the standby guardian to begin acting as guardian. The standby guardian **must** come to court, file the Acceptance of Appointment, get Letters of Guardianship issued by the Clerk, and give notice to all required parties at that time.*

*Giải thích sự kiện hoặc hoàn cảnh nào sẽ khiến cho người giám hộ dự phòng bắt đầu đóng vai trò là người giám hộ. Người giám hộ dự phòng **phải** đến tòa án, nộp đơn Chấp Nhận Sự Chỉ Định, nhận Thư Về Quyền Giám Hộ do Lục Sự cấp và thông báo cho tất cả các đương sự được yêu cầu tại thời điểm đó.*

The standby guardian may accept their appointment and act as guardian when _____
Người giám hộ dự phòng có thể chấp nhận sự chỉ định của họ và đóng vai trò là người giám hộ khi

People

Mọi người

7. Parents

Cha mẹ

The children's legal parents are listed below:

Cha mẹ hợp pháp của các trẻ được liệt kê dưới đây:

Parent 1 (Name): _____

Cha/mẹ 1 (Tên): _____

☐ Parent 1 is deceased.

Cha/mẹ 1 đã qua đời.

☐ Parent 1's parental rights have been terminated.

Các quyền nuôi dưỡng con của cha/mẹ 1 đã được chấm dứt.

☐ Parent 1 has a lawyer.

Cha/mẹ 1 có một luật sư.

Lawyer's name: _____

Tên luật sư: _____

Lawyer's address: _____

Địa chỉ luật sư:

Parent 2 (Name):

Cha/mẹ 2 (Tên):

☐ Parent 2 is deceased.

Cha/mẹ 2 đã qua đời.

☐ Parent 2's parental rights have been terminated.

Các quyền nuôi dưỡng con của cha/mẹ 2 đã được chấm dứt.

☐ Parent 2 has a lawyer.

Cha/mẹ 2 có một luật sư.

Lawyer's name:

Tên luật sư:

Lawyer's address:

Địa chỉ luật sư:

8. Who must be personally served?

Ai phải được tổng đạt riêng?

I will have a copy of this *Petition*, the *Notice of Hearing for Standby Minor Guardianship Petition*, and the *Reasons for Minor Guardianship* **personally served** on the parents, the nominated standby guardian, and any child 12 or older, and the child's attorney if any.

Tôi sẽ có một bản sao Đơn Xin này, Thông Báo Phiên Điều Trần về Đơn Xin Quyền Giám Hộ Dự Phòng Đối Với Trẻ Vị Thành Niên và Lý Do Về Quyền Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên **được tổng đạt riêng** đến cha mẹ, người giám hộ dự phòng được chỉ định và bất kỳ trẻ nào từ 12 tuổi trở lên, và luật sư của trẻ nếu có.

9. Addresses Attached to Notice of Hearing

Địa Chỉ Được Kèm Theo Thông Báo Phiên Xét Xử

I have included addresses for the people in sections 2 through 7, if known, on the *Notice of Hearing for Standby Minor Guardianship Petition and Notice Attachment: List of People to be Served*. The *Notice* and *Attachment* are made part of this petition (incorporated by reference).

Tôi đã đưa địa chỉ của mọi người vào mục 2 đến 7, nếu được biết, trong Thông Báo Phiên Xét Xử về Đơn Xin Quyền Giám Hộ Dự Phòng Đối Với Trẻ Vị Thành Niên và Phụ Lục Thông Báo: Danh sách Những Người Được Tổng Đạt Thông Báo và Phụ Lục này là một phần của đơn xin này (được đưa vào bằng cách tham chiếu).

10. Does anyone need an interpreter or other communication support?

Có ai cần phiên dịch viên hoặc hỗ trợ giao tiếp khác không?

☐ No.

Không.

☐ Yes. The following people need an interpreter, translator, or other form of support to communicate effectively with the court or understand court proceedings:

Có. Những người sau đây cần phiên dịch viên, biên dịch viên hoặc hình thức hỗ trợ khác để giao tiếp hiệu quả với tòa án hoặc hiểu được các thủ tục tố tụng của tòa án:

Name	Language or type of support needed

Tên	Ngôn ngữ hoặc hình thức hỗ trợ cần thiết

Clerk's action required. Note interpreter or communication support needs in the case management system.

Việc lục sự cần làm. Lưu ý nhu cầu hỗ trợ phiên dịch viên hoặc giao tiếp trong hệ thống quản lý vụ án.

➤ **Jurisdiction**
Thẩm Quyền

11. Personal Jurisdiction Over Parents
Thẩm Quyền Cá Nhân Đối Với Cha Mẹ

Fill out below to say if a Washington State court has personal jurisdiction (authority to make decisions) over each parent.

Điền vào dưới đây để cho biết xem tòa án Tiểu Bang Washington có thẩm quyền cá nhân (thẩm quyền ra quyết định) đối với cha/mẹ hay không.

Basis for Personal Jurisdiction (check all that apply): Cơ Sở Cho Thẩm Quyền Cá Nhân (đánh dấu tất cả mục thích hợp):	Parent 1 Name: Tên cha/mẹ 1:	Parent 2 Name: Tên cha/mẹ 2:
Will be served in Washington Sẽ được tổng đạt ở Washington	☐	☐
Lives in Washington now Sống ở Washington hiện nay	☐	☐
Lived in Washington with child Đã sống ở Washington với trẻ	☐	☐
Lived in Washington and paid pregnancy costs or support for child Đã sống ở Washington và chi phí thai kỳ được chi trả hoặc cấp dưỡng cho trẻ	☐	☐
Caused child to live in Washington Khiến cho trẻ phải sống ở Washington	☐	☐
Had sex in Washington that may have produced the child Đã quan hệ tình dục ở Washington có thể đã sinh ra trẻ	☐	☐
Agrees to Washington deciding Đồng ý với quyết định của Washington	☐	☐
None of the above	☐	☐

Basis for Personal Jurisdiction <i>(check all that apply):</i> Cơ Sở Cho Thẩm Quyền Cá Nhân <i>(đánh dấu tất cả mục thích hợp):</i>	Parent 1 Name: Tên cha/mẹ 1:	Parent 2 Name: Tên cha/mẹ 2:
Không có mục nào trên đây		

12. Children's Home/s
(Các) Nhà Của Các Trẻ

At any time during the past 5 years have any of the children lived:
 Vào bất kỳ thời điểm nào trong 5 năm qua, có bất kỳ trẻ nào đã sống:

- on an Indian reservation,
 ở một khu vực dành riêng cho Người Mỹ Da Đỏ,
- outside Washington State,
 ngoài Tiểu Bang Washington,
- in a foreign country, or
 ở nước ngoài, hoặc
- with anyone other than a parent?
 với người nào đó không phải là cha/mẹ không?

[] No. *(Skip to 13.)*

Không. (Chuyển đến 13.)

[] Yes. *(Fill out below to show where each child has lived during the last 5 years.)*

Có. (Điền vào dưới đây để cho biết nơi mỗi trẻ đã sống trong 5 năm qua.)

Dates Số ngày	Children Các trẻ	Lived with Đã sống với	In which state, Indian reservation, or foreign country Ở tiểu bang, khu vực dành riêng cho Người Mỹ Da Đỏ hay nước ngoài nào
From: Từ:	☐ All children Tất cả các trẻ	☐ Petitioner/s (Các) Nguyên Đơn	
To: Đến:	☐ (Name/s): ((Các) Tên):	☐ Parent/s (name/s): ((Các) Cha/mẹ ((các) tên):	
		☐ Other (name): Khác (tên):	
From: Từ:	☐ All children Tất cả các trẻ	☐ Petitioner/s (Các) Nguyên Đơn	
To: Đến:	☐ (Name/s): ((Các) Tên):	☐ Parent/s (name/s): ((Các) Cha/mẹ ((các) tên):	
		☐ Other (name): Khác (tên):	
From: Từ:	☐ All children Tất cả các trẻ	☐ Petitioner/s (Các) Nguyên Đơn	
To: Đến:	☐ (Name/s): ((Các) Tên):	☐ Parent/s (name/s): ((Các) Cha/mẹ ((các) tên):	
		☐ Other (name): Khác (tên):	
From: Từ:	☐ All children Tất cả các trẻ	☐ Petitioner/s (Các) Nguyên Đơn	
To: Đến:	☐ (Name/s): ((Các) Tên):	☐ Parent/s (name/s): ((Các) Cha/mẹ ((các) tên):	
		☐ Other (name): Khác (tên):	

13. Other People with a Legal Right to Spend Time with a Child
Những Người Khác Có Quyền Hợp Pháp Dành Thời Gian Cho Trẻ

Do you know of anyone besides you and the parents who has, or claims to have, a legal right to spend time with any of these children?

Quý vị có biết bất kỳ ai ngoài quý vị và cha mẹ có hoặc tuyên bố có quyền hợp pháp dành thời gian cho bất kỳ trẻ nào trong số các trẻ này không?

☐ No.
Không.

☐ Yes. (Name/s) _____ has or claims to have a legal right to spend time with the children because: _____

Có. ((Các) Tên)
hợp pháp dành thời gian cho các trẻ bởi vì:

có hoặc tuyên bố có quyền

14. Other Court Cases Involving a Child
Các Vụ Án Khác Liên Quan Đến Trẻ

Do you know of any other court cases involving any of these children?

Quý vị có biết về bất kỳ vụ án nào khác liên quan đến bất kỳ trẻ nào trong số các trẻ này không?

(Check one): ☐ No. (Skip to **15**.) ☐ Yes. (Fill out below.)

(Đánh dấu một mục): ☐ Không. (Chuyển đến **15**.) ☐ Có. (Điền vào dưới đây.)

Kind of case Loại vụ án (Family Law, Criminal, Protection Order, Juvenile, Dependency, Other) (Luật Gia Đình, Hình Sự, Lệnh Bảo Vệ, Trẻ Vị Thành Niên, Người Phụ Thuộc, Khác)	County and State Quận và Tiểu Bang	Case number and year Vụ án số và năm	Children Các trẻ
			☐ All children Tất cả các trẻ ☐ (Name/s): ((Các) Tên):
			☐ All children Tất cả các trẻ ☐ (Name/s): ((Các) Tên):
			☐ All children Tất cả các trẻ ☐ (Name/s): ((Các) Tên):
			☐ All children Tất cả các trẻ ☐ (Name/s): ((Các) Tên):

Warning! If there is a dependency (CPS) case for the children, you must get approval from the dependency court to file this case.

Cảnh Báo! Nếu có vụ án người phụ thuộc (CPS) đối với các trẻ, quý vị phải được tòa án người phụ thuộc chấp thuận để trình vụ án này.

15. **Tribal Heritage**
Di Sản Bộ Lạc

If there is a reason to know that a child has **tribal heritage** (including ancestry or familial political affiliation), the court must treat the child as an Indian child unless and until the affected tribe/s decide otherwise or decline to respond after receiving proper notice.

Nếu có lý do để biết rằng một trẻ thừa hưởng **di sản bộ lạc** (bao gồm tổ tiên hoặc khuynh hướng chính trị gia đình), tòa án phải đối xử với trẻ như một trẻ Da Đỏ trừ khi và cho đến khi (các) bộ lạc bị ảnh hưởng quyết định khác hoặc từ chối phản hồi sau khi nhận được thông báo hợp lệ.

An **Indian child** is a child who is a member of an Indian tribe, or who is the biological child of an Indian tribe member and eligible for membership. You must try to find out if any child in this case is an Indian child. If so, the federal and state Indian Child Welfare Acts will apply to your case.

Trẻ Da Đỏ là trẻ thành viên của một bộ lạc Da Đỏ hoặc là con ruột của một thành viên bộ lạc Da Đỏ và hội đủ điều kiện tư cách thành viên. Quý vị phải cố gắng tìm hiểu xem trong vụ án này có bất kỳ trẻ nào là trẻ Da Đỏ hay không. Nếu vậy, Đạo Luật Trợ Cấp Trẻ Em Người Mỹ Da Đỏ của liên bang và tiểu bang sẽ áp dụng cho vụ án của quý vị.

Could any of the children be Indian children? (Check all that apply):

Có bất kỳ trẻ nào là trẻ Da Đỏ không? (Đánh dấu tất cả mục thích hợp):

[] **No.**

Không.

[] None of the children are Indian children.

Không có các trẻ nào là các trẻ Da Đỏ.

[] These children are not Indian children (name/s): _____

Các trẻ này không phải là các trẻ Da Đỏ ((các) tên):

I know this because (explain if the children have no tribal heritage, or if any possible tribal heritage has already been explored and decided in another court proceeding that complied with ICWA): _____

Tôi biết điều này bởi vì (giải thích nếu các trẻ không thừa hưởng di sản bộ lạc hoặc nếu bất kỳ di sản bộ lạc nào có thể đã được khám phá và quyết định trong một phiên tòa khác tuân thủ theo ICWA): _____

[] **Yes or Maybe.** These children are or may be Indian children. They have or may have heritage from the tribe/s listed below:

Có hoặc Có thể. Các trẻ này là hoặc có thể là các trẻ Da Đỏ. Các trẻ thừa hưởng hoặc có thể thừa hưởng di sản từ (các) bộ lạc được liệt kê dưới đây:

Children Các trẻ	Tribe Bộ lạc
[] All children Tất cả các trẻ	
[] (name/s): ((các) tên):	

Children Các trẻ	Tribe Bộ lạc
☐ All children Tất cả các trẻ	
☐ (name/s): (các tên):	

☐ I will provide the *Indian Child Welfare Act Notice* (form GDN M 401) and a copy of this *Petition* to the tribe/s named above and other necessary people or agencies.

Tôi sẽ cung cấp Thông Báo Về Đạo Luật Trợ Cấp Trẻ Em Người Mỹ Da Đỏ (mẫu đơn GDN M 401) và một bản sao Đơn Xin này cho (các) bộ lạc có tên trên đây và những người hoặc cơ quan cần thiết khác.

☐ I do not know if any of the children are Indian children or have tribal heritage. I have done the following things to try to find out:

Tôi không biết xem bất kỳ trẻ nào trong số các trẻ là các trẻ Da Đỏ hoặc thừa hưởng di sản bộ lạc. Tôi đã thực hiện những điều sau đây để cố gắng tìm hiểu:

16. Jurisdiction Over Indian Children Thẩm Quyền Đối Với Các Trẻ Da Đỏ

☐ Does not apply. None of the children are Indian children.
Không áp dụng. Không có các trẻ nào là các trẻ Da Đỏ.

☐ A state court can decide this case for the Indian children because:
Một tòa án tiểu bang có thể quyết định vụ án này dành cho các trẻ Da Đỏ bởi vì:

☐ (Children's names): _____ are **not** domiciled or living on an Indian reservation, and are not wards of a tribal court. (25 U.S.C. § 1911)

(Tên các trẻ):

không có nơi ở hoặc sống tại một khu vực dành riêng cho Người Mỹ Da Đỏ và không phải là người được tòa án bộ lạc bảo hộ. (25 U.S.C. § 1911)

☐ (Children's names): _____ are domiciled or living on an Indian reservation, and (check all that apply):

(Tên các trẻ):

có nơi ở hoặc sống tại một khu vực dành riêng cho Người Mỹ Da Đỏ và (đánh dấu tất cả mục thích hợp):

☐ The children's tribe agrees to Washington State's concurrent jurisdiction.
Bộ lạc của các trẻ đồng ý với thẩm quyền đồng thời của Tiểu Bang Washington.

☐ The children's tribe decided not to use its exclusive jurisdiction (expressly declined). (RCW 13.38.060)
Bộ lạc của các trẻ đã quyết định không sử dụng thẩm quyền riêng biệt của mình (đã từ chối một cách rõ ràng). (RCW 13.38.060)

- [] Washington State should claim emergency jurisdiction for Indian children temporarily located off the reservation to protect the children from immediate physical damage or harm. (RCW 13.38.140)

Tiểu Bang Washington nên tuyên bố thẩm quyền khẩn cấp đối với các trẻ Da Đỏ tạm thời ở ngoài khu dành riêng để bảo vệ các trẻ khỏi bị tổn hại hoặc thương tổn về thể chất ngay lập tức. (RCW 13.38.140)

17. Jurisdiction Over the Children (RCW 26.27.201 – .221, .231, .261, .271)
Thẩm Quyền Đối Với Các Trẻ (RCW 26.27.201 – .221, .231, .261, .271)

This Court can decide this case for the children because (check all that apply; if a box applies to all of the children, you may write “the children” instead of listing names):

Tòa Án này có thể quyết định vụ án này cho các trẻ bởi vì (đánh dấu tất cả mục thích hợp; nếu một mục áp dụng cho tất cả các trẻ, quý vị có thể ghi “các trẻ” thay vì liệt kê tên):

- [] **Exclusive, continuing jurisdiction** – A Washington court has already made a custody order or parenting plan for the children, and the court still has authority to make other orders for (children’s names):_____.

Thẩm quyền riêng biệt, liên tục – Một tòa án ở Washington đã ban hành lệnh nuôi con hoặc kế hoạch nuôi dưỡng con cho các trẻ và tòa án vẫn có thẩm quyền đưa ra các lệnh khác đối với (tên các trẻ):

- [] **Home state jurisdiction** – Washington is the children’s home state because (check all that apply):

Thẩm quyền của tiểu bang cư trú – Washington là tiểu bang cư trú của các trẻ bởi vì

(đánh dấu tất cả mục thích hợp):

- [] (Children’s names):_____ lived in Washington with a parent or someone acting as a parent for at least the 6 months just before this case was filed, or if the children are less than 6 months old, they have lived in Washington with a parent, or someone acting as a parent, since birth.

(Tên các trẻ):_____ đã sống ở Washington với cha/mẹ hoặc người nào đó đóng vai trò là cha/mẹ trong ít nhất 6 tháng ngay trước khi vụ án này được đệ trình hoặc, nếu các trẻ dưới 6 tháng tuổi, chúng đã sống ở Washington với cha/mẹ hoặc người nào đó đóng vai trò là cha/mẹ kể từ khi sinh ra.

- [] There were times the children were not in Washington in the 6 months just before this case was filed (or since birth if they are less than 6 months old), but those were temporary absences.

Có những lúc các trẻ không có mặt ở Washington trong 6 tháng ngay trước khi vụ án này được đệ trình (hoặc kể từ khi sinh ra nếu chúng dưới 6 tháng tuổi), nhưng đó chỉ là những lúc vắng mặt tạm thời.

- [] (Children’s names):_____ do not live in Washington right now, but Washington was the children’s home state sometime in the 6 months just before this case was filed, and a parent, or someone acting as a parent of the children, still lives in Washington.

(Tên các trẻ):_____ *ngay bây giờ không sống ở Washington, nhưng Washington là tiểu bang cư trú của các trẻ vào khoảng 6 tháng ngay trước khi vụ án này được đệ trình và cha/mẹ hoặc người nào đó đóng vai trò là cha/mẹ của các trẻ vẫn sống ở Washington.*

[] (Children's names):_____ do not have another home state.
(Tên các trẻ):_____ không có một tiểu bang cư trú khác.

[] **No home state or home state declined** – No court of any other state (or tribe) has the jurisdiction to make decisions for (children's names):_____
_____ or a court in the children's home state (or tribe) decided it is better to have this case in Washington **and:**

Không có tiểu bang cư trú hoặc tiểu bang cư trú đã từ chối – Không có tòa án của bất kỳ tiểu bang (hoặc bộ lạc) nào khác có thẩm quyền đưa ra quyết định đối với (tên các trẻ): _____ hoặc tòa án ở tiểu bang cư trú (hoặc bộ lạc) của các trẻ đã quyết định tốt hơn là nên đưa vụ án này ở Washington và:

- The children and a parent, or someone acting as a parent, have ties to Washington beyond just living here; **and**
Các trẻ và cha/mẹ hoặc người nào đó đóng vai trò là cha/mẹ có mối quan hệ với Washington ngoài việc chỉ sống ở đây; và
- There is a lot of information (substantial evidence) about the children's care, protection, education, and relationships in this state.
Có rất nhiều thông tin (bằng chứng đáng kể) về việc chăm sóc, bảo vệ, giáo dục và các mối quan hệ của các trẻ ở tiểu bang này.

[] **Other state declined** – The courts in other states (or tribes) that might be (children's names):_____ 's home state have refused to take this case because it is better to have this case in Washington.
Tiểu bang khác đã từ chối – Tòa án của các tiểu bang khác (hoặc các bộ lạc) có thể là (tên các trẻ): _____ tiểu bang cư trú của các trẻ đã từ chối thụ lý vụ án này bởi vì việc để vụ án này ở Washington là điều tốt hơn.

[] **Temporary emergency jurisdiction** – The court can make decisions for (children's names):_____ because the children are in this state now **and** were abandoned here **or** need emergency protection because the children (or the children's parent or sibling) were abused or threatened with abuse. (Check one):

Thẩm quyền khẩn cấp tạm thời – Tòa án có thể đưa ra quyết định đối với (tên các trẻ): _____ bởi vì các trẻ hiện đang ở tiểu bang này và đã bị bỏ rơi ở đây **hoặc** cần được bảo vệ khẩn cấp bởi vì các trẻ (hoặc cha/mẹ, anh chị em ruột của các trẻ) đã bị ngược đãi hoặc bị đe dọa ngược đãi. (Đánh dấu một mục):

[] A custody case involving the children was filed in the children's home state (name of state or tribe):_____. Washington should take temporary emergency jurisdiction over the children until the Petitioner can get a court order from the children's home state (or tribe).
Vụ án nuôi con liên quan đến các trẻ đã được đệ trình ở tiểu bang cư trú của các trẻ (tên tiểu bang hoặc bộ lạc):_____. Washington nên thực hiện thẩm quyền khẩn cấp tạm thời đối với các trẻ cho đến khi Nguyên Đơn có thể nhận được lệnh tòa từ tiểu bang cư trú (hoặc bộ lạc) của các trẻ.

[] There is **no** valid custody order or open custody case in the children's home state (name of state or tribe):_____. If no case is

filed in the children's home state (or tribe) by the time the children have been in Washington for 6 months, (date): _____, Washington should have final jurisdiction over the children.

Không có lệnh giám hộ hợp lệ hoặc vụ án nuôi con mở tại tiểu bang cư trú của các trẻ (tên bang hoặc bộ lạc): _____. Nếu không có vụ án nào được đệ trình ở tiểu bang cư trú (hoặc bộ lạc) của các trẻ vào thời điểm các trẻ đã ở Washington được 6 tháng, (ngày): _____, Washington nên có thẩm quyền cuối cùng đối với các trẻ.

[] Other reason (specify): _____
Lý do khác (nêu rõ): _____

➤ **Requests**
Yêu Cầu

18. Parents' Visitation
Sự Thăm Nom Của Cha Mẹ

Important! If you are asking for limited or no visitation, you must explain why in the Residential Schedule (form GDN M 408) or Reasons for Minor Guardianship (form GDN M 103).

Quan Trọng! Nếu quý vị đang yêu cầu hạn chế hoặc không thăm nom, quý vị phải giải thích lý do vì sao trong Lịch Trình Cư Trú (mẫu GDN M 408) hoặc Lý Do Về Quyền Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên (mẫu đơn GDN M 103).

I ask the court to confirm and order the following contact or visitation between the parents and children:

Tôi yêu cầu tòa án xác nhận và ra lệnh tiếp xúc hoặc thăm nom sau đây giữa cha mẹ và các trẻ:

[] I ask to court to approve (names) _____
proposed visitation:

Tôi yêu cầu tòa án chấp thuận (các tên)
thăm nom được đề xuất:

[] I ask the court to approve (names) _____
proposed *Residential Schedule*. This schedule may include reasons for limiting one parent's visitation. I am filing and serving my proposed *Residential Schedule* with this *Petition*.

Tôi yêu cầu tòa án chấp thuận (các tên)
Lịch Trình Cư Trú được đề xuất. Lịch trình này có thể bao gồm các lý do hạn chế việc thăm nom của cha/mẹ. Tôi sẽ nộp và tổng đạt Lịch Trình Cư Trú được đề xuất của tôi cùng với Đơn Xin này.

[] I ask the court to give **no visitation** to a parent because the limiting factors from RCW 26.09.191 apply and are severe enough to justify no visitation.

Tôi yêu cầu tòa án đưa ra **việc không thăm nom** đối với cha/mẹ bởi vì các yếu tố hạn chế từ RCW 26.09.191 được áp dụng và đủ nghiêm trọng để biện minh cho việc không thăm nom.

19. Decision-making Authority
Thẩm Quyền ra quyết định

I ask the court to make the following orders about who has the right to make decisions for the children (*check all that apply*):

Tôi yêu cầu tòa án đưa ra những lệnh sau đây về việc ai có quyền ra quyết định cho các trẻ (đánh dấu tất cả mục thích hợp):

Type of Major Decision <i>Loại Quyết Định Quan Trọng</i>	Guardian Decides <i>Người Giám Hộ Quyết Định</i>	Parent/s Decide <i>(write one parent's name or "both") Cha/Mẹ (Cha Mẹ) Quyết Định (ghi tên cha/mẹ hoặc "cả hai")</i>
School/educational <i>Trường học/giáo dục</i>	☐	☐
Healthcare (not emergency) <i>Chăm sóc sức khỏe (không khẩn cấp)</i>	☐	☐
Authority to apply for passport and travel internationally <i>Thẩm quyền nộp đơn xin hộ chiếu và di chuyển quốc tế</i>	☐	☐
Driver's license or state I.D. <i>Giấy phép lái xe hoặc I.D. tiểu bang</i>	☐	☐
Other: <i>Khác:</i>	☐	☐
Other: <i>Khác:</i>	☐	☐

20. Access to Records *Tiếp Cận Hồ Sơ*

I ask the court to make the following orders about who has the right to access these types of records for the children (*check all that apply*):

Tôi yêu cầu tòa án đưa ra những lệnh sau đây về việc ai có quyền tiếp cận các loại hồ sơ này của các trẻ (đánh dấu tất cả mục thích hợp):

Type of Record <i>Loại Hồ Sơ</i>	Guardian Can Access <i>Người Giám Hộ Có Thể Tiếp Cận</i>	Parent/s Can Access <i>(write one parent's name or "both") Cha/Mẹ (Cha Mẹ) Có Thể Tiếp Cận (ghi tên cha/mẹ hoặc "cả hai")</i>
School/educational <i>Trường học/giáo dục</i>	☐	☐
Healthcare <i>Chăm sóc sức khỏe</i>	☐	☐
Other: <i>Khác:</i>	☐	☐
Other: <i>Khác:</i>	☐	☐
Other: <i>Khác:</i>	☐	☐

21. Children's Property
Tài Sản Của Các Trẻ

As far as I know, the children have the following property, other than their clothing and other personal items (personal effects) and documents:

Theo tôi biết, ngoài quần áo và các vật dụng cá nhân khác (đồ dùng cá nhân) và giấy tờ, các em có các tài sản sau đây:

☐ None
Không

☐ *(Give a general statement of the children's property with an estimate of its value.*

Examples: disability or insurance benefits, trust account, money from a lawsuit, public assistance, TANF, child support)

(Cung cấp báo cáo chung về tài sản của các trẻ kèm theo ước tính giá trị của tài sản đó. Ví dụ: phúc lợi cho người khuyết tật hoặc quyền lợi bảo hiểm, tài khoản ủy thác, tiền từ vụ kiện, trợ cấp công cộng, TANF, cấp dưỡng con)

22. Fees and Costs
Phí và Chi Phí

Filing Fee – In some situations the court will **not** charge a fee for filing this case.

Phí Nộp Đơn – Trong một số tình huống, tòa án sẽ **không** tính phí nộp đơn vụ án này.

- When the proposed guardian is a relative, the fee is waived automatically.
Khi người giám hộ được đề xuất là họ hàng, khoản phí này sẽ tự động được miễn.
- When the petitioner (including a child as petitioner) is low income, the petitioner may use forms GR 34.0100, 34.0300, and 34.0500 to ask the court to waive the fee.
Khi nguyên đơn (bao gồm trẻ là nguyên đơn) có thu nhập thấp, nguyên đơn có thể sử dụng các mẫu đơn GR 34.0100, 34.0300 và 34.0500 để yêu cầu tòa án miễn khoản phí này.

☐ No request.
Không yêu cầu.

☐ No fee shall be charged because the proposed standby guardian is a relative of the children, **not** a professional guardian.
*Không tính phí vì người giám hộ được đề xuất là họ hàng của các trẻ, **không** phải là người giám hộ chuyên nghiệp.*

☐ Order who should pay for court costs, Court Visitor fees, and other reasonable fees.
Ra lệnh ai phải trả án phí, phí Người Bảo Hộ Đặc Biệt và các khoản phí hợp lý khác.

23. Other Requests, If Any
Các Yêu Cầu Khác, Nếu Có

Petitioner fills out below:
Nguyên Đơn điền vào dưới đây:

I declare under penalty of perjury under the laws of the State of Washington that the facts I have provided on this form (including any attachments) are true.

[] I have attached (#): _____ pages.

Tôi cam đoan dưới hình phạt khai man theo luật lệ của Tiểu Bang Washington rằng các thông tin tôi đã cung cấp trong mẫu đơn này (bao gồm bất kỳ đính kèm nào) đều đúng sự thật.

Tôi đã đính kèm (#): _____ trang.

Signed at (city and state): _____

Date: _____

Đã ký tại (thành phố và tiểu bang): _____

Ngày: _____



Petitioner signs here

Nguyễn Đơn ký ở đây

Print name

Tên viết in

My contact information is:

Thông tin liên hệ của tôi là:

Email: _____

Email:

Phone (Optional): _____

Điện Thoại (Không bắt buộc): _____

Co-Petitioner (if any) fills out below:

Đồng Nguyên Đơn (nếu có) điền vào dưới đây:

I declare under penalty of perjury under the laws of the State of Washington that the facts I have provided on this form are true.

Tôi cam đoan dưới hình phạt khai man theo luật lệ của Tiểu Bang Washington rằng các thông tin tôi đã cung cấp trong mẫu đơn này đều đúng sự thật.

Signed at (city and state): _____

Date: _____

Đã ký tại (thành phố và tiểu bang): _____

Ngày: _____



Other Petitioner signs here

Nguyễn Đơn Khác ký ở đây

Print name

Tên viết in

My contact information is:

Thông tin liên hệ của tôi là:

Email: _____

Email:

Phone (Optional): _____

Điện Thoại (Không bắt buộc): _____

Petitioner's lawyer (if any) fills out below:

Luật sư của Nguyên Đơn (nếu có) điền vào dưới đây:



Petitioner's lawyer signs here

Luật sư của Nguyên Đơn ký ở đây

Print name and WSBA No.

Tên viết in và WSBA Số

Date

Ngày

[] **A parent fills out below if they agree to join this Petition:**

Cha/mẹ điền vào dưới đây nếu họ đồng ý tham gia Đơn Xin này:

I, (name): _____, agree to join this *Petition*. I understand that if I fill out and sign below, the court may approve the requests listed in this *Petition* unless I file and serve a *Response* before the court signs final orders. (Check one):

Tôi, (tên): _____, đồng ý tham gia Đơn Xin này. Tôi hiểu rằng nếu tôi điền vào và ký tên dưới đây, tòa án có thể chấp thuận các yêu cầu được liệt kê trong Đơn Xin này trừ khi tôi nộp và tổng đạt Phản Hồi trước khi tòa án ký các lệnh cuối cùng. (Đánh dấu một mục):

☐ I do not need to be notified about the court's hearings or decisions in this case.
Tôi không cần được thông báo về các phiên xét xử hoặc quyết định của tòa án trong vụ án này.

☐ I ask the Petitioner to notify me about any hearings in this case. (List an address where you agree to accept legal documents. This may be a lawyer's address or any other address.)

Tôi yêu cầu Nguyên Đơn thông báo cho tôi biết về bất kỳ phiên xét xử nào trong vụ án này. (Liệt kê một địa chỉ nơi quý vị đồng ý nhận các văn kiện pháp lý. Địa chỉ này có thể là địa chỉ của một luật sư hoặc bất kỳ địa chỉ nào khác.)

Address	City	State	Zip
Địa Chỉ	Thành Phố	Tiểu Bang	Mã Vùng

E-mail: _____
E-mail: _____

Parent signs here	Print name	Date
Cha/mẹ ký ở đây	Tên viết in	Ngày

☐ A parent fills out below if they agree to join this Petition:
Cha/mẹ điền vào dưới đây nếu họ đồng ý tham gia Đơn Xin này:

I, (name): _____, agree to join this Petition. I understand that if I fill out and sign below, the court may approve the requests listed in this Petition unless I file and serve a Response before the court signs final orders. (Check one):

Tôi, (tên): _____, đồng ý tham gia Đơn Xin này. Tôi hiểu rằng nếu tôi điền vào và ký tên dưới đây, tòa án có thể chấp thuận các yêu cầu được liệt kê trong Đơn Xin này trừ khi tôi nộp và tổng đạt Phản Hồi trước khi tòa án ký các lệnh cuối cùng. (Đánh dấu một mục):

☐ I do not need to be notified about the court's hearings or decisions in this case.
Tôi không cần được thông báo về các phiên xét xử hoặc quyết định của tòa án trong vụ án này.

☐ I ask the Petitioner to notify me about any hearings in this case. (List an address where you agree to accept legal documents. This may be a lawyer's address or any other address.)

Tôi yêu cầu Nguyên Đơn thông báo cho tôi biết về bất kỳ phiên xét xử nào trong vụ án này. (Liệt kê một địa chỉ nơi quý vị đồng ý nhận các văn kiện pháp lý. Địa chỉ này có thể là địa chỉ của một luật sư hoặc bất kỳ địa chỉ nào khác.)

Address	City	State	Zip
Địa Chỉ	Thành Phố	Tiểu Bang	Mã Vùng

E-mail: _____
E-mail: _____



Parent signs here
Cha/mẹ ký ở đây

Print name
Tên viết in

Date
Ngày